TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày 24/7/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mạnh Thắng và bà Lê Thị Thanh Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên *tham gia phiên tòa:* Bà Lường Phương Thảo, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 69/2025/TB-TLVA ngày 01 tháng 4 năm 2025, về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Toán Thanh H; sinh năm 1997; địa chỉ: Bản L, xã L, huyện M, tỉnh Điện Biên (Nay là Bản L, xã S, tỉnh Điện Biên). Vắng mặt có lý do.

Bị đơn: Anh Lò Văn H1; sinh năm 1994; ĐKTT: Bản Củ, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là Bản C, xã T, tỉnh Điện Biên) (hiện nay đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện số B; địa chỉ: Thôn G, xã Đ, thành phố Hải Phòng). Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Biên bản ghi lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Toán T Hàng và anh Lò Văn H1 có đăng ký kết hôn hôn tại UBND xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là xã T, tỉnh Điện Biên) vào này 30/6/2016; đăng ký kết hôn tự nguyện không ai ép buộc. Trong quá trình chung sống hạnh phúc được 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống không có tiếng nói chung, anh H1 có sử dụng ma túy. Chị H và gia đình đã khuyên anh H1 nhiều lần nhưng anh H1 không thay đổi. Do cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên đã sống ly thân với anh H1 từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian chị H sống ly thân với anh H1, thì anh H1 bị bắt đi cai nghiện ma túy. Đến nay tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho Hàng được ly hôn với anh Lò Văn H1.

Về con chung: Chị Toán T Hàng và anh Lò Văn H1 có 02 người con là Lò Văn N; sinh ngày 28/7/2015 và Lò Văn Q; sinh ngày 29/11/2017. Khi ly hôn chị H nhận trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

Về án phí: Chị Toán T Hàng là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên có đơn đề nghị miễn án phí.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lò Văn H1. Anh H1 không có ý kiến gì.

Nguyện vọng của cháu Lò Văn N và Lò Văn Q: Có nguyện vọng được ở cùng với mẹ, vì ở với mẹ được chăm sóc và đi học đầy đủ.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Toán Thanh H, cho chị Toán T Hàng ly hôn với anh Lò Văn H1; giao con chung là Lò Văn N; sinh ngày 28/7/2015 và Lò Văn Q; sinh ngày 29/11/2017 cho chị Toán T Hàng trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động; Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H là người dân tộc thiểu số; sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện: Xét đơn khởi kiện của chị Toán T Hàng và anh Lò Văn H1 thì được xác định là vụ án ly hôn theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Thẩm quyền giải quyết: Thời điểm chị Toán T Hàng nộp đơn khởi kiện, anh Lò Văn H1 có nơi ĐKTT tại Bản C, xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (nay là xã T, tỉnh Điện Biên); nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 Nghị quyết Thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp

tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; điểm b khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng cho đương sự đúng theo quy định Điều 174; Điều 175 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 08/7/2025, chị H có mặt nhưng anh H1 không có mặt tại phiên tòa, cũng không có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 24/7/2025, chị H xin vắng mặt, anh H1 vắng mặt không có lý do, vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Toán Thanh H và anh Lò Văn H1 đăng ký kết hôn ngày 30/6/2016, đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện T, tỉnh Điện Biên (Nay là xã T, tỉnh Điện Biên); kết hôn trên cơ sở tự nguyện; thực hiện theo đúng trình tự đăng ký kết hôn; nên xác định hôn nhân của chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình.

Xét về yêu cầu giải quyết ly hôn: Giữa chị H và anh H1 đã có mâu thuẫn do anh H1 sử dụng ma túy, không tu chí làm ăn xây dựng gia đình; đã được gia đình khuyên nhủ nhiều nhưng anh H1 không thay đổi dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau từ năm 2021. Nay anh H1 cũng vì sử dụng ma túy, nên đang cai nghiện ma túy tại Cơ sở cai nghiện số 2 Hải Phòng. Như vậy thấy rằng, hôn nhân giữa chị H và anh H1 đã có rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; nên yêu cầu xin ly hôn của chị H là có cơ sở. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Toán Thanh H, cho chị Toán T Hàng ly hôn với anh Lò Văn H1.

[3]

Về con chung: Chị Toán T Hàng và anh Lò Văn H1 có 02 con chung tên là Lò Văn N; sinh ngày 28/7/2015 và Lò Văn Q; sinh ngày 29/11/2017. Xét thấy hiện tại anh H1 đang cai nghiện ma túy nên không đảm bảo về điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Hơn nữa nguyện vọng được ở cùng mẹ của cháu N và cháu Q hoàn toàn phù hợp với yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung của chị H; do vậy yêu cầu của chị H là có cơ sở chấp nhận. Để con chung của chị H và anh H1 có cuộc sống ổn định, không bị xáo trộn, có điều kiện phát triển tốt nhất về cả thể chất lẫn tinh thần; Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu giao nuôi con chung của chị H. Việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H, xét thấy không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của con chung, nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa

án và đơn đề nghị miễn án phí; Hội đồng xét xử xét thấy chị H là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí; vì vậy chị H đủ điều kiện để miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Điện Biên đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân & gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Khoản 1 Điều 24, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Toán Thanh H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Toán T Hàng được ly hôn với anh Lò Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị T1 Thanh Hàng trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Lò Văn N; sinh ngày 28/7/2015 và Lò Văn Q; sinh ngày 29/11/2017 cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị Toán T Hàng có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên trong gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Anh Lò Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Lò Văn H1 thực hiện quyền này.

Chị Toán Thanh H và anh Lò Văn H1 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ phải trả, nợ thu về: Không có.

4. Về án phí: Chị Toán T Hàng được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Toán Thanh H và anh Lò Văn H1 có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Khu vực 3 - Điện Biên;
- Cơ quan THADS tỉnh Điện Biên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Đương sự;
- UBND xã Tuần Giáo;
- Lưu.

Lương Thị Nga

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN CỦA HĐXX **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mạnh Thắng **Lê Thị Thanh Thùy** **Lương Thị Nga**